

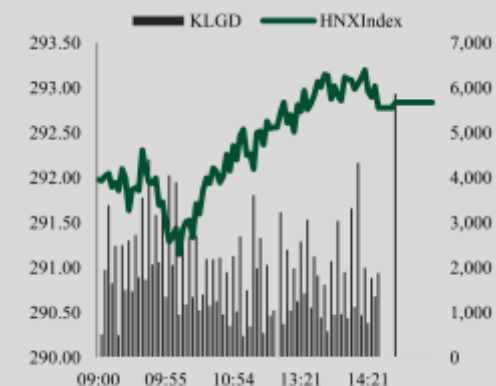
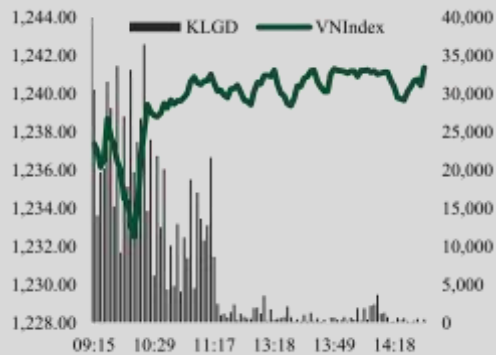
TIÊU ĐIỂM

Nhờ lực kéo của các cổ phiếu vốn hóa lớn, VN Index chinh phục thành công mốc 1,240 điểm trong ngày hôm nay. Thanh khoản duy trì tương đương phiên trước cả về khối lượng và giá trị giao dịch.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,242.38	292.84
Thay đổi	0.20%	0.40%
KLGD (cổ phiếu)	727,816,148	163,971,746
GTGD (tỷ VND)	16,522.11	2,825.17

Số cổ phiếu tăng giá	267	147
Số cổ phiếu đứng giá	59	45
Số cổ phiếu giảm giá	155	84

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,252.00	-0.10
VN30F2M	1,250.90	0.90
VN30F1Q	1,248.10	-2.40
VN30F2Q	1,250.50	2.70



ĐÀ TĂNG CHỪNG LẠI, VN INDEX TĂNG NHE VƯỢT 1.240

- Nhờ lực kéo của các cổ phiếu vốn hóa lớn, VN Index chinh phục thành công mốc 1,240 điểm trong ngày hôm nay. Thanh khoản duy trì tương đương phiên trước cả về khối lượng và giá trị giao dịch.
- Thị trường mở cửa trong sắc đỏ với lực bán áp đảo trong bối cảnh thị trường chứng khoán quốc tế đều giảm điểm. Tuy nhiên ngay sau đó, lực cầu bắt đáy xuất hiện giúp chỉ số hồi phục về mốc tham chiếu. Mặc dù vậy, lực cầu cũng không thể duy trì liên tục trong phiên sáng và khiến cho chỉ số lặp lại diễn biến trời sập trước đó. Phiên chiều cũng không ghi nhận khác biệt nào đáng kể so với phiên sáng, nhưng nhờ lực cung và lực cầu duy trì khá cân bằng và ổn định nên chỉ số VN – Index không biến động nhiều, mà chỉ tăng nhẹ 2.42 điểm (+0.20%), chốt phiên tại mức 1,242.38 – cũng là mức cao nhất phiên và HNX – Index dừng tại mức 292.84 (+0.40%). Thanh khoản duy trì ổn định ở mức cao với tổng giá trị trên cả ba sàn đạt khoảng trên 20,000 tỷ VNĐ.
- Nhìn chung, VN Index vẫn đang duy trì đà tăng khá tốt sau khi vượt ngưỡng 1,200 điểm, nhưng chủ yếu là nhờ lực kéo của một số cổ phiếu “trụ” và vẫn chưa có sự lan tỏa ra trên thị trường. Dưới góc nhìn kỹ thuật, một số chỉ báo động lượng đã đi vào vùng quá mua có thể kích hoạt nhịp điều chỉnh trong một vài phiên tới, tuy nhiên diễn biến tích cực trong những phiên gần đây cho thấy tâm lý nhà đầu tư đã xuất hiện sự cải thiện về triển vọng chung trên thị trường.

Khuyến nghị

- Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên có thể tập trung giao dịch vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt thu hút được dòng tiền trong giai đoạn này, trong đó đáng chú ý là nhóm ngành Ngân hàng và Bất động sản.
- *Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q4.2020 so với cùng kỳ năm ngoài trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.*

Đánh giá triển vọng thị trường

Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn
TÍCH CỰC	TÍCH CỰC	TÍCH CỰC

Một số tin tức đáng chú ý

- **Bloomberg: Những biến động mạnh với TTCK tội tệ nhất châu Á vẫn còn tiếp diễn.** Thị trường chứng khoán Phillipines phải đối mặt với những thách thức nghiêm trọng trong thời gian tới, khi các quỹ ngoại rút tiền với lượng lớn chưa từng có. Điều này cho thấy sự "mong manh" của một số thị trường mới nổi, ngay cả khi vắc-xin Covid-19 đã được triển khai trên toàn cầu.
- **IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên 6%, Việt Nam lên 6,5% trong năm nay.** Ngày 6/4, một lần nữa Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã tăng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên mức 6% trong năm 2021. Đáng chú ý, đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ những năm 1970, chủ yếu nhờ các chính sách chưa từng có của các quốc gia nhằm ứng phó với đại dịch Covid-19.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN Index cho phản ứng hồi phục mạnh sau khi kiểm định ngưỡng 1,500 điểm, cho thấy đây là ngưỡng hỗ trợ tương đối “cứng” trong ngắn hạn. Chúng tôi cho rằng nhà đầu tư nên đứng ngoài thị trường và quan sát diễn biến trước khi đưa ra bất cứ quyết định đầu tư nào. Ngưỡng kháng cự tại 1,245 – 1,250, ngưỡng hỗ trợ tại 1,150 – 1,160.

Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	GMD	35.80	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dùng lỗ: 34.30 Chốt lời: 39.40



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	127,700	0.55	0.630	1.70MLN
MSN	93,800	2.07	0.594	1.96MLN
BVH	63,400	2.92	0.356	2.40MLN
NVL	88,100	1.50	0.341	3.49MLN
POW	13,950	3.72	0.312	23.91MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	25,000	0.81	0.408	12.98MLN
IDC	40,100	3.35	0.284	6.67MLN
OCH	9,600	9.09	0.105	657,500
SHS	31,200	0.97	0.082	7.98MLN
HUT	7,200	2.86	0.074	6.66MLN

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VHM	100,500	-1.18	-1.070	2.49MLN
VNM	100,100	-1.38	-0.779	3.50MLN
GAS	89,100	-0.67	-0.306	1.20MLN
STB	22,300	-1.98	-0.226	51.63MLN
BID	45,550	-0.44	-0.214	2.61MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
NVB	17,200	-3.37	-0.358	5.49MLN
THD	196,100	-0.46	-0.344	454,000
PVS	24,000	-1.23	-0.104	13.88MLN
ART	11,100	-5.13	-0.080	8.35MLN
CEO	13,300	-1.48	-0.045	4.99MLN

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE

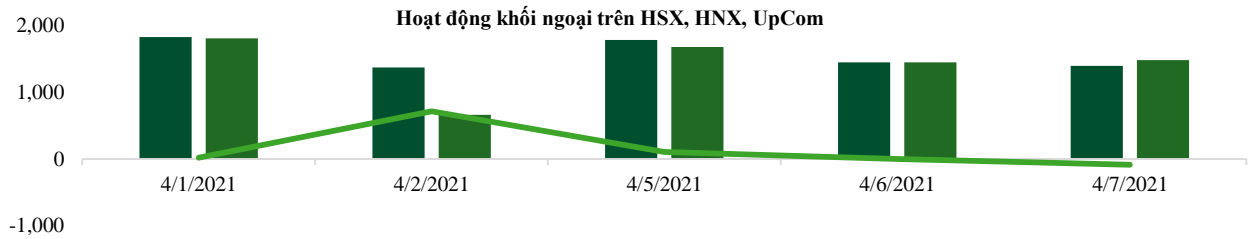
Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
OGC	2,340.00	7,800	3,138,800	7.00
HBC	4,444.35	19,250	16,673,900	6.94
TTB	389.41	7,560	3,301,200	6.93
TTF	2,461.57	7,910	10,444,400	6.89
SAV	584.50	41,150	98,900	6.88

HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
VGS	913.82	21,700	890,100	9.60
LUT	121.18	8,100	149,700	9.46
BCC	1,577.09	12,800	3,068,200	9.40
MBG	640.09	9,400	3,963,800	9.30
BTS	889.63	7,200	316,589	9.09

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q4.2019 (Tỷ VND)	LNST Q4.2020 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	VDS	16.40	693,500	0.22	99.98	45345.45%
2	THD	196.10	454,000	15.16	1,019.64	6625.86%
3	NKG	24.25	3,768,800	7.16	153.98	2050.56%
4	SHS	31.20	7,978,700	35.72	348.59	875.90%
5	VIX	30.80	4,532,800	14.83	132.72	794.94%
6	SBT	22.70	3,065,200	15.93	139.55	776.02%
7	NDN	26.10	878,000	12.20	70.62	478.85%
8	BVH	63.40	2,403,200	106.10	474.55	347.27%
9	IJC	29.10	6,546,900	34.38	144.69	320.86%
10	MSB	22.70	4,460,400	175.52	683.30	289.30%



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
FUEVFNVD	20,610	96,400.34	2,199.66	94,200.68
VRE	35,400	85,676.17	22,491.92	63,184.25
MBB	31,800	56,854.79	16,512.14	40,342.65
HPG	49,450	127,185.64	88,557.02	38,628.63
HDB	27,750	35,324.25	3,319.44	32,004.81

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
CTG	43,000	4,861.15	186,469.91	181,608.76
VNM	100,100	73,454.24	164,160.75	90,706.51
GAS	89,100	2,088.99	47,210.73	45,121.74
VPB	46,500	-	29,528.33	29,528.33
PLX	55,800	18,040.26	45,104.55	27,064.29

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
ACM	3,000	1,222.80	-	1,222.80
SHB	25,000	1,191.45	185.00	1,006.45
PSD	19,800	810.32	-	810.32
DXP	18,100	388.68	-	388.68
IDV	86,300	384.50	-	384.50

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
PVS	24,000	-	12,644.52	12,644.52
APS	10,700	10.80	4,318.33	4,307.53
API	27,500	-	2,720.18	2,720.18
VND	34,000	681.22	3,156.00	2,474.78
PVC	11,800	-	2,306.80	2,306.80

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
ACV	74,000	22,926.12	18,577.14	4,348.98
MML	56,800	2,121.19	-	2,121.19
SIP	183,900	1,149.10	-	1,149.10
HPP	58,500	1,103.30	55.10	1,048.20
VLB	43,500	656.25	-	656.25

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VTP	87,900	1,553.93	8,461.98	6,908.05
VEA	44,900	-	3,609.10	3,609.10
ABI	44,000	443.65	2,282.16	1,838.51
C4G	12,300	-	616.25	616.25
PGV	17,000	-	197.46	197.46

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn